

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ VIÊN THUỐC TRÁNH THAI KHẨN CẤP VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA SINH VIÊN KHOA ĐIỀU DƯỠNG – KỸ THUẬT Y HỌC, ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoàng Thị My, Mai Thị Hiền*

Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

** Email: hoangthimy144@gmail.com*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Với tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn và phá thai ngày càng tăng cao, Viên thuốc tránh thai khẩn cấp là cơ hội thứ hai giúp cho mọi người cũng như các bạn trẻ tránh được việc mang thai ngoài ý muốn và các hậu quả kèm theo. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ sinh viên khoa Điều Dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh có kiến thức tốt, thái độ tích cực về viên thuốc tránh thai khẩn cấp và các yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 249 sinh viên khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học. Số liệu được thu thập bằng hình thức khảo sát trực tuyến. Số liệu sẽ được xử lý bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20. **Kết quả:** Nghiên cứu cho thấy có 56,2% sinh viên tham gia nghiên cứu có kiến thức tốt và 87,1% sinh viên có thái độ tích cực đối với viên thuốc tránh thai khẩn cấp. Nghiên cứu còn cho thấy được mối liên quan của tuổi, ngành học, truyền thông đối với kiến thức. Thái độ - tôn giáo, thái độ - tuổi, thái độ - truyền thông cũng có mối liên quan. **Kết luận:** Các kết quả trong nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của truyền thông, giáo dục về viên thuốc tránh thai khẩn cấp, cần cải thiện kiến thức và thái độ về biện pháp tránh thai này để giúp các sinh viên tránh mang thai ngoài ý muốn và các hệ lụy, hậu quả của nó.

Từ khóa: Viên thuốc tránh thai khẩn cấp, biện pháp tránh thai, kiến thức về viên thuốc tránh thai khẩn cấp, thái độ về viên thuốc tránh thai khẩn cấp.

ABSTRACT

KNOWLEDGE, ATTITUDE ABOUT EMERGENCY CONTRACEPTIVE PILLS AND RELATED FACTORS OF STUDENTS AT FACULTY OF NURSING AND MEDICAL TECHNOLOGY, UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

Hoang Thi My, Mai Thi Hien*

University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city

Background: With the higher rate of unintended pregnancy and abortion, Emergency Contraceptive Pills are a second chance to help everyone, as well as young people, avoid unintended pregnancy and its consequences. **Objectives:** To determine the percentage of students at the Faculty of Nursing and Medical Technology, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, with good knowledge and positive attitude toward emergency contraceptive pills and their related factors. **Materials and methods:** A descriptive cross-sectional study on 249 students from the Faculty of Nursing and Medical Technology, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City. The data was collected in the form of an online survey. The data will be processed using IBM SPSS Statistics 20 software. **Results:** The study shows that 56.2% of the students participating in the study have good knowledge and 87.1% of the students have a positive attitude toward emergency contraceptive pills. Research shows the correlation between age, the field of study, and media with knowledge. Attitude - religion, attitude - age, and attitude - media also correlate. **Conclusions:** Research results have emphasized the role and importance of propaganda and education on emergency contraceptive pills and the need to improve knowledge and attitudes about this contraception method to help students avoid unintended pregnancy and its consequences.

Keywords: Emergency contraceptive pills, contraception, knowledge of emergency contraceptive pills, attitude toward emergency contraceptive pills.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viên thuốc tránh thai khẩn cấp (VTTTKC) là một biện pháp giúp ngừa thai hiệu quả sau khi quan hệ tình dục không có biện pháp phòng tránh. Trong khi đó, các biện pháp tránh thai hiện đại khác như bao cao su, thuốc tiêm, thuốc tránh thai hằng ngày, cấy que, dụng cụ tử cung thì cần phải chủ động, tìm hiểu từ trước.

Tổng cục Thống kê và quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF) công bố kết quả điều tra về tình hình của trẻ em và phụ nữ tại Việt Nam năm 2020 - 2021 cho thấy phụ nữ ở độ tuổi 15 - 49 chưa kết hôn hoặc không sống chung như vợ chồng nhưng có quan hệ tình dục thì có tới 51,2% không dùng biện pháp tránh thai nào. Trong tổng số ca phá thai thì có tới 53,6% là mang thai ngoài ý muốn, (8,9%) ca phá thai liên quan đến việc thất bại khi sử dụng biện pháp tránh thai [3]. Khảo sát tình hình phá thai to ở trẻ vị thành niên tại Bệnh viện Phụ Sản Trung ương cho thấy tỷ lệ phá thai to ở vị thành niên trong 6 tháng đầu năm 2012 chiếm tỷ lệ 10,4%. Lứa tuổi 16 – 19 chiếm 90,7%, học sinh, sinh viên chiếm 70,9%. Có 83,3% không sử dụng biện pháp tránh thai [4].

Viên thuốc tránh thai khẩn cấp giống như là cơ hội thứ hai giúp cho mọi người có thể tránh việc mang thai ngoài ý muốn. Đây là biện pháp tương đối an toàn, dễ sử dụng sau khi quan hệ không bảo vệ, có hiệu quả cao và ngày càng được nhiều người biết đến, áp dụng rộng rãi. Tuy nhiên để sử dụng thuốc đúng, có hiệu quả cao, ít tác dụng phụ vẫn là một vấn đề nan giải. Nghiên cứu tại các trường đại học ở Cần Thơ chỉ có 10,3% sinh viên có kiến thức đúng về VTTTKC [1].

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về kiến thức của sinh viên về viên thuốc tránh thai khẩn cấp, nhưng ở Việt Nam thì chỉ có nghiên cứu thực hiện trên nữ sinh viên mà ít nghiên cứu nào thực hiện trên cả nam sinh viên. Nên chúng tôi tiến hành nghiên cứu “ Kiến thức, thái độ về viên thuốc tránh thai khẩn cấp và các yếu tố liên quan của sinh viên Khoa Điều Dưỡng - Kỹ Thuật Y Học, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh” để cho được cái nhìn toàn diện, bao quát hơn. Từ đó phản ánh được tình trạng thực tế, giúp các bạn sinh viên từ từ thay đổi, tự trang bị thêm kiến thức bảo vệ bản thân, đưa ra những biện pháp can thiệp phù hợp, nâng cao nhận thức, thái độ về sức khỏe sinh sản, hạn chế được tình trạng mang thai ngoài ý muốn và các hậu quả của nó.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tiêu chí chọn vào:** Sinh viên đang học tại Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chí loại ra:** Sinh viên có câu trả lời trùng lặp toàn bộ câu hỏi. Sinh viên không hoàn thành 100% bộ câu hỏi.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Tính theo công thức:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Với độ tin cậy 95% (Z=1,96)

p: Tỷ lệ sinh viên có nhận thức tốt về VTTTKC và theo nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong, Phạm Huy Hiền Hào thực hiện trên sinh viên trường Cao đẳng y tế Hà Nội [2], p=0.821. Sai số trung bình 5% (d=0,05).

Cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu này là 226 sinh viên. Tuy nhiên, do lấy mẫu bằng hình thức online, nên 10% tỷ lệ mất mẫu được cộng thêm vào. Như vậy, tổng cộng cỡ mẫu trong nghiên cứu này là 249 sinh viên.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện.

- **Nội dung nghiên cứu:** Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới tính, ngành học, tôn giáo, tình trạng hôn nhân.

+ Tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

+ Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Nguồn tiếp nhận thông tin liên quan đến viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Phản kiến thức về VTTTKC được miêu tả với 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 3 lựa chọn. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1 điểm, câu trả lời sai hoặc không biết thì được 0 điểm. Sinh viên tham gia nghiên cứu được đánh giá là có kiến thức tốt về VTTTKC khi đạt từ trên 60% tổng điểm kiến thức. Phản thái độ về VTTTKC gồm 10 câu hỏi xác định thông qua thang đo Likert 3. Sinh viên tham gia nghiên cứu sẽ được đánh giá có thái độ tích cực khi điểm đạt từ trên 80% tổng điểm của thái độ.

Từ 0 – 23 điểm: Thái độ chưa tích cực (<80% tổng điểm thái độ)

Từ 24 – 30 điểm: Thái độ tích cực (>= 80% tổng điểm thái độ)

- **Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:** Số liệu được nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập bằng link khảo sát. Kết quả được xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 20.0. Tần số và tỷ lệ phần trăm được sử dụng để mô tả các biến số định tính gồm: tuổi, giới tính, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, ngành học, kiến thức, thái độ về VTTTKC. Kiểm tra, đo lường mối liên hệ của các yếu tố: tuổi, giới tính, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, ngành học, kiến thức, thái độ, nguồn tiếp nhận thông tin về VTTTKC bằng phép kiểm Chi bình phương.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm nhóm nghiên cứu

Đặc điểm nhóm nghiên cứu (N=249)	N(%)
Tuổi	Mean: 20,43 SD: 1,16
Giới tính	
Nam	56(22,5)
Nữ	193(77,5)
Ngành học	
Điều dưỡng đa khoa	59(23,7)
Gây mê hồi sức	41(16,5)
Hộ sinh	41(16,5)
Kỹ thuật hình ảnh	28(11,2)
Phục hồi chức năng	29(11,6)
Xét nghiệm	51(20,5)

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ SỐ 55/2022- SỐ CHUYÊN ĐỀ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

Đặc điểm nhóm nghiên cứu (N=249)	N(%)
Tôn giáo	
Phật giáo	45(18,1)
Thiên Chúa giáo	23(9,2)
Không	177(71,1)
Tôn giáo khác	4(1,6)
Tình trạng hôn nhân	
Độc thân	194(77,9)
Hẹn hò	54(21,7)
Đã kết hôn	1(0,4)

Nhận xét: Nghiên cứu gồm 249 sinh viên tham gia trong đó ngành Điều dưỡng đa khoa chiếm tỷ lệ cao nhất là 23,7%, ngành có tỷ lệ thấp nhất là Kỹ thuật hình ảnh chiếm 11,2%. Tuổi trung bình của nhóm nghiên cứu là 20,43 (SD= ± 1,16) tuổi. Độ tuổi tham gia nghiên cứu của sinh viên dao động từ 19 tuổi đến 25 tuổi. Hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu là nữ với tỷ lệ là 77,5%. Kết quả thu thập được cho thấy sinh viên tham gia hầu như không theo tín ngưỡng tôn giáo với tỷ lệ 71,1%. Phần lớn sinh viên đều độc thân với tỷ lệ 77,9%, đang hẹn hò là 21,7% và 0,4% là đã kết hôn.

3.2. Kiến thức về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Bảng 2. Kiến thức về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Biến	Tần số	Tỷ lệ
Kiến thức về viên thuốc tránh thai khẩn cấp		
Kiến thức tốt	140	56,2
Kiến thức chưa tốt	109	43,8
Mean = 5,88		SD = 1,9

Nhận xét: Kết quả cho thấy rằng có hơn một nửa sinh viên có kiến thức tốt 56,2%, còn lại 43,8% sinh viên có kiến thức chưa tốt. Phần lớn sinh viên biết VTTTKC không phải là biện pháp tốt nhất để ngừa thai (71,1%), (18,1%) lại hiểu sai khi cho rằng đây là thuốc gây sảy thai. Có tới 22,1% sinh viên hiểu sai về hiệu quả ngừa thai, cho rằng nếu sử dụng đúng cách thì hiệu quả ngừa thai là 100% và 18,9% cho rằng sử dụng VTTTKC tốt hơn viên thuốc tránh thai thông thường vì không cần sử dụng hằng ngày. Đa số các sinh viên không biết một số viên thuốc tránh thai khẩn cấp như Postinor, Mifestad với tỷ lệ lần lượt là (61,4%), (64,3%). Có 77,5% biết rằng sau khi sử dụng VTTTKC mà không thấy có kinh thì cần phải đến khám chuyên khoa Phụ sản.

3.3. Thái độ đối với viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Bảng 3. Thái độ đối với viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Biến	Tần số	Tỷ lệ
Thái độ đối với viên thuốc tránh thai khẩn cấp		
Thái độ tích cực	217	87,1
Thái độ chưa tích cực	32	12,9
Mean = 25,43		SD = 1,87

Nhận xét: Với 10 câu hỏi ở phần thái độ đối với viên thuốc tránh thai khẩn cấp cho thấy 87,1% là có thái độ tích cực, sinh viên có thái độ chưa tích cực chiếm tới 12,9%. Có 52,2% sinh viên không ủng hộ với việc sử dụng VTTTKC là không có đạo đức vì dẫn đến quan hệ tình dục sẽ nhiều hơn. Ngược lại, quan điểm coi việc dùng VTTTKC giống như

phá thai thì có 11,2% đồng ý với quan điểm này. 53,4% sinh viên đồng tình rằng việc sử dụng VTTTKC tự do sẽ làm tăng tỷ lệ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Gần như toàn bộ sinh viên tham gia nghiên cứu đều đồng ý với quan điểm thanh niên nên có kiến thức về VTTTKC và nên biết cách sử dụng VTTTKC với tỷ lệ lần lượt là 98,4%, 95,2%. Đồng thời, 90,4% đồng ý rằng chủ đề VTTTKC nên được giảng dạy cho học sinh cấp 3, 6,8% là không có ý kiến, còn lại 2,8% không đồng tình. Tuy nhiên, trong 2,8% không đồng tình đó thì 1,6% có góp ý rằng nên giảng dạy ngay từ khi là học sinh cấp 2, giai đoạn đang dậy thì và có nhiều sự thay đổi tâm sinh lý cũng như sự tò mò về giới tính.

3.4. Các nguồn tiếp nhận thông tin về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Đa số các sinh viên tham gia nghiên cứu đều có thêm thông tin về VTTTKC thông qua các phương tiện truyền thông như tivi, sách báo hay internet 92,8%, sau đó là trường học với tỷ lệ 67,9%. Thấp hơn so với nguồn thông tin từ trường học là thông qua bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, hộ sinh chiếm 63,9%. Cuối cùng là thông qua những người thân như bạn bè, người yêu, vợ chồng,... thì chỉ có 54,6%.

3.5. Mối liên quan giữa các yếu tố: Tuổi, giới tính, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, khối ngành, kiến thức, thái độ và nguồn tiếp nhận thông tin về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Bảng 4. Mối liên quan giữa các yếu tố nhân khẩu học với kiến thức và thái độ

	Tuổi	Giới tính	Tôn giáo	Tình trạng hôn nhân	Khối ngành
Kiến thức	p< 0,001	p= 0,45	p= 0,438	p= 0,215	p< 0,001
Thái độ	p= 0,025	p= 0,413	p= 0,014	p= 0,929	p= 0,669

Bảng 5. Mối liên quan giữa nguồn tiếp nhận thông tin với kiến thức và thái độ

	Trường học	Người thân	Nhân viên y tế	Truyền thông
Kiến thức	p= 0,588	p= 0,694	p= 0,079	p= 0,003
Thái độ	p= 0,355	p= 0,337	p= 0,823	p= 0,017

Nhận xét: Kết quả thu được cho thấy kiến thức và tuổi có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Cùng với đó, kiến thức – khối ngành cũng có mối liên quan với $p < 0,001$. Kiến thức – nguồn thông tin từ truyền thông có mối liên quan với $p = 0,003$. Đồng thời, thái độ - tôn giáo, thái độ - tuổi có mối liên quan và có ý nghĩa thống kê với $p = 0,014$ và $p = 0,025$. Thái độ có mối liên quan với truyền thông ($p = 0,017$). Mặt khác, kiến thức không có mối liên quan với thái độ với $p = 0,128$

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Qua khảo sát cho thấy các sinh viên tham gia nghiên cứu có độ tuổi từ 19 tuổi đến 25 tuổi, tham gia chủ yếu là nhóm tuổi 19, 20, 21 tuổi. Sinh viên nữ tham gia nhiều gấp ba lần so với sinh viên nam với tỷ lệ lần lượt là 77,5% và 22,5%. Điều này phù hợp với sự phân bố giới tính của khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học khi ngành Hộ sinh lấy 100% là nữ giới. Hơn nữa, ngành Điều dưỡng đa khoa và Gây mê hồi sức cũng có số lượng nữ giới cao hơn nam giới. Đa số sinh viên tham gia nghiên cứu không theo tín ngưỡng tôn giáo nào với tỷ lệ 71,1% và chủ yếu độc thân với tỷ lệ 77,9%.

4.2. Kiến thức về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Nghiên cứu của chúng tôi thu được cho thấy có 56,2% sinh viên có kiến thức tốt. Tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu trên sinh viên đại học ở Hoa Kỳ (86%) [5]. Nghiên cứu ở Hoa Kỳ có kiến thức tốt cao hơn vì sự cởi mở của họ về biện pháp tránh thai và có nhiều bạn đã sử dụng VTTTKC. Cùng với đó, đa số các bạn sinh viên đã từng quan hệ tình dục và họ cho biết những thông tin, kiến thức về VTTTKC thông qua bạn bè và gia đình, đặc biệt là ba mẹ - những người đã từng sử dụng VTTTKC và có kinh nghiệm về nó. Trong khi nước ta lại khá nhạy cảm, các sinh viên nữ cũng khá ngại ngùng về vấn đề này. Nghiên cứu của Olayinka A. Onasoga cũng cho thấy kiến thức cao hơn nghiên cứu của chúng tôi có thể do phần đa sinh viên khảo sát đều đã quan hệ tình dục (64%) cùng với rào cản là Nigeria không hợp pháp phá thai cũng như sự kỳ thị liên quan đến phá thai cao. Nên các sinh viên này đã tự trang bị thêm cho bản thân nguồn kiến thức về VTTTKC để tránh việc mang thai ngoài ý muốn [6].

4.3. Thái độ về viên thuốc tránh thai khẩn cấp

Kết quả cho thấy có 87,1% có thái độ tích cực đối với VTTTKC. Ở nghiên cứu Nigeria do Olayinka A. Onasoga cho thấy kiến thức và thái độ về VTTTKC tốt có tỷ lệ cao với tỷ lệ của nhận thức là 84%. Điều này có thể do có 64% sinh viên tham gia khảo sát có quan hệ tình dục và 30,5% trong số họ đã dùng VTTTKC. Khi Nigeria chưa hợp pháp việc phá thai, các bạn sinh viên tìm hiểu và có kiến thức khá tốt, họ biết những ưu điểm, lợi ích của VTTTKC nên họ cũng có một thái độ tích cực hơn [6]. Đa số mọi người đều ủng hộ thanh niên nên có kiến thức và biết cách sử dụng VTTTKC. Chỉ nên dùng VTTTKC để ngăn chặn việc có thai ngoài ý muốn khi cần thiết và cần có sự chuẩn bị biện pháp phòng tránh một cách chủ động, không nên vì sự tiện lợi của thuốc mà sử dụng một cách không kiểm soát.

4.4. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về viên thuốc tránh thai khẩn cấp của sinh viên

Kết quả cho thấy kiến thức - tuổi, kiến thức - khối ngành có mối liên quan. Thái độ - tôn giáo, thái độ - tuổi cũng có mối liên quan với nhau. Kết quả này cũng được nghiên cứu ở nữ sinh viên đại học Jimma, Tây Nam Ethiopia cũng cho thấy những sinh viên có ngành học liên quan đến y tế, được học về VTTTKC hoặc có tiếp nhận với các nguồn thông tin khác nhau về VTTTKC thì họ có nhận thức tương đối cao hơn so với các sinh viên còn lại [9]. Nghiên cứu ở Viên Chăn, CHND Lào cho thấy độ tuổi có mối liên quan với kiến thức và thái độ. Những người phụ nữ trẻ có độ tuổi càng cao thì càng có xu hướng quan hệ tình dục và khi đó họ sẽ tìm hiểu những biện pháp để tránh việc mang thai ngoài ý muốn. Họ đều công nhận những lợi ích mà VTTTKC mang lại cho người sử dụng, tuy nhiên vẫn có một phần lo ngại về tác dụng phụ của thuốc [7].

Nguồn tiếp nhận thông tin từ truyền thông có mối liên quan với kiến thức và thái độ. Nghiên cứu của chúng tôi có kết quả khá tương đồng với nghiên cứu Tamire và cộng sự, trong nghiên cứu của họ được thực hiện tại Đại học Addis Ababa, nơi nguồn thông tin chính là các phương tiện truyền thông, nhưng lại có tỷ lệ về kiến thức tốt là 43,1% và thái độ tích cực chiếm tỷ lệ 53%. Sự xuất hiện tràn lan của các trang mạng có thông tin không chính xác đã ảnh hưởng rất nhiều đến kiến thức về VTTTKC của các bạn sinh viên [8]. Điều này phản ánh rõ thực trạng các trang mạng tràn lan cùng với thông tin sai lệch, nguồn tin không chính thống đã dẫn tới các sinh viên tham gia nghiên cứu tiếp thu hoặc hiểu nhầm về thông tin, kiến thức VTTTKC.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt là 56,2% và tỷ lệ sinh viên có kiến thức chưa tốt là 43,8%. Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực về viên thuốc tránh thai khẩn cấp có tỷ lệ khá cao với tỷ lệ 87,1%. Tỷ lệ sinh viên có thái độ chưa tích cực là 12,9%. Nghiên cứu còn cho thấy được mối liên quan của tuổi, ngành học, truyền thông đối với kiến thức. Thái độ - tôn giáo, thái độ - tuổi, thái độ - truyền thông cũng có mối liên quan. Tuy nhiên, kiến thức - thái độ không có mối liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Kim Phụng, Đặng Minh Đức (2013). Kiến thức và thái độ về viên uống tránh thai khẩn cấp của sinh viên các trường đại học tại thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Y Học Thành phố Hồ Chí Minh*, số 11, tr.22-26.
2. Nguyễn Thanh Phong và Phạm Huy Hiền Hào (2014), Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về một số biện pháp tránh thai của sinh viên Trường Cao đẳng Y Tế Hà Nội, năm 2013. *Tạp Chí Phụ sản*, số 12, tr.207-210.
3. Tổng cục Thống kê và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF) (2020-2021), Phá thai. *SDGCW Việt Nam 2020-2021*, tr.8.
4. Nguyễn Thị Bích Vân, Vũ Văn Du, Phan Thị Anh và cộng sự (2013). Khảo sát tình hình phá thai to ở trẻ vị thành niên tại Bệnh viện Phụ Sản Trung ương 6 tháng đầu năm 2012. *Tạp Chí Phụ Sản*, số 11, tr.125-128.
5. Kang HS, Moneyham L. (2008), Use of Emergency contraceptive pills and condoms by college students: a survey. *Int J Nurs Stud*, tr.775-783.
6. Onasoga OA, Afolayan JA, Asamabiriwei TF, and *et al.* (2016), Adolescents' Knowledge, Attitude and Utilization of Emergency Contraceptive Pills in Nigeria's Niger Delta Region, *Int J MCH AIDS*, tr.53-60.
7. Sychareun V, Hansana V, Phengsavanh A, and *et al.* (2013), Awareness and attitudes towards Emergency contraceptive pills among young people in the entertainment places, Vientiane City, Lao PDR. *BMC Womens Health*, tr.13-14.
8. Tamire W EF. (2007), Knowledge, attitude, and practice on Emergency contraceptives among female university students in Addis Ababa, Ethiopia. *Ethiopian Journal of Health Development*, tr.111-116.
9. Tajure N, Pharm B. (2017), Knowledge, attitude and practice of emergency contraception among graduating female students of Jimma university, Southwest Ethiopia. *Ethiop J Health Sci*, tr.91-97.

(Ngày nhận bài: 01/11/2022- Ngày duyệt đăng: 14/12/2022)